

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 16 - 8 - 2017
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Quý
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân - Thư ký TAND huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST - HNGĐ ngày 01/6/2017 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981. HKTT: Thôn TP, xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Hiện cư trú: Đội 8, khu Công nghiệp NH, xã NH, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Trần Quý D**, sinh năm 1981. HKTT và cư trú: Thôn TP, xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Chị T, anh D: Đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2017, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Quý D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội ngày 12/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại xã ĐP, huyện CM, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, mỗi lần anh D uống rượu vào thì đánh chị dù chị không có lỗi. Chị đã khuyên anh D nhiều lần nhưng anh D không bỏ, ngày càng đánh chị nhiều hơn. Khi mẹ anh D ốm, chị về thăm, khi mẹ anh D mất và ngày lễ tang 49 ngày của mẹ anh D chị về đều bị anh D đánh. Ngoài ra, anh D còn đánh cả con, treo cháu Hoài A lên xà nhà, dẫn đến các con sợ bố, bỏ học. Sau ngày lễ tang 49 mẹ anh D, chị không về nhà anh D nữa. Trước đây chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh D, tại Tòa án thì anh D đã thuyết phục chị, chị đã cho anh D có hội nhưng đến nay anh D không thay đổi. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến việc chị quyết định ly hôn với anh D là do anh D dùng ma túy đá, bắt con canh gác để sử dụng ma túy. Nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là: Trần Hoài A, sinh ngày 24/5/2003 và Trần Quốc T, sinh ngày 15/6/2005; hiện nay hai cháu đều đã nghỉ học và đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai cháu; nếu chị được quyền nuôi một cháu thì Tòa án giao cháu nào cho chị, chị cũng chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Trần Quý D trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và hòa giải: Anh và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội ngày 12/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có lúc mâu thuẫn, dẫn đến việc anh không kiềm nén được và đánh chị T, nhưng mâu thuẫn của vợ chồng anh không hoàn toàn do anh gây ra. Do anh còn tình cảm vợ chồng với chị T, dẫn đến việc anh ghen tuông, anh có đánh chị T; lý do của việc ghen, anh xin phép không trình bày. Anh không hề dùng ma túy như chị T đã trình bày. Việc anh dùng xích để xích cháu Hoài A ở nhà do cháu mãi chơi điện tử, bỏ nhà đi mấy ngày. Ngày 01/6/2017 (Âm lịch) giỗ mẹ đẻ anh, các con anh có về, anh đã hỏi ý kiến của các cháu về việc bố mẹ sẽ ly hôn, thì quan

điểm của cháu A sẽ bỏ đi không về nhà nữa, còn cháu T còn bé không nói gì, nên anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh thêm thời gian để anh thuyết phục chị T hoặc để anh nhờ người thuyết phục chị T về cùng chung sống, để các con không phải bỏ học.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 24/5/2003 và Trần Quốc T, sinh ngày 15/6/2005. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì tùy nguyện vọng của các con muốn ở với bố hoặc với mẹ đều được.

Tại các bản tự trình bày ý kiến, nguyện vọng của cháu T và biên bản lấy lời khai của cháu Hoài A thể hiện: Cháu T có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Hoài A mong muốn bố mẹ về đoàn tụ, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì Tòa án giao cháu cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng cháu đều đồng ý.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Quý D; về con chung nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu chỉ được quyền nuôi một con thì chấp nhận việc giao con của Tòa án, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn đề nghị Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con; về con chung, trường hợp phải ly hôn, đề nghị được nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Do chị T có điều kiện thu nhập nên đề nghị giao cả 02 con chung cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh D và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - Anh Trần Quý D đang cư trú tại xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Trần Quý D có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh D thì thấy: Chị T, anh D đều thừa nhận vợ chồng có đánh, cãi nhau; theo chị T nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến việc chị xin ly hôn do anh D uống rượu say đánh chị, đánh cả con dẫn đến các con bỏ học, anh D dùng ma túy đá; theo anh D nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh ghen, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương, thấy vợ chồng anh D chị T chung sống thường xuyên xảy ra đánh nhau, địa phương phải can thiệp. Chị T nhất quyết không tiếp tục chung sống với anh D và đã ly thân từ tháng 6/2016. Anh D có quan điểm xin đoàn tụ vợ chồng nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Trần Hoài An, sinh ngày 24/5/2003 và Trần Quốc T, sinh ngày 15/6/2005.

Xét nguyện vọng của chị T, anh D và 02 con chung cháu Hoài A, cháu T thì thấy: Anh D, chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; cháu T có nguyện vọng ở với chị T, cháu Hoài A có quan điểm nếu Tòa án giao cháu cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng cháu đều đồng ý; nên giao cháu T cho chị T, cháu Hoài A cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T, anh D đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

Chị T, anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh, chị và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, chị cho đến khi có yêu cầu khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh D đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Quý D.

2. Về nuôi con chung sau ly hôn:

2.1. Giao con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 24/5/2003 cho anh Trần Quý D được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.2. Giao con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 15/6/2005 cho chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T, anh Trần Quý D. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và anh D cho đến khi có sự thay đổi khác;

2.4. Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Quý D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2015/0002827 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 01/6/2017.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã ĐP;
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA